

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày 31 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG - HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đình Bảng.

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên toà:
Ông Phạm Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H, sinh ngày 01 tháng 9 năm 19XX tại Hải Phòng; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn N, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1955, con bà Phạm Thị S, sinh năm 1959, có vợ là Hoàng Thị L, sinh năm 1986, có 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giữ từ ngày 30/10/2018 đến ngày 08/11/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Đoàn Thị T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 19XX tại Hải Phòng; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Quang M, sinh năm 1955, con bà Bùi Thị M, sinh năm 1958, có chồng là Vũ Văn L, sinh năm 1973, có 02 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giữ từ ngày 30/10/2018 đến ngày 02/11/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Phạm Việt H1, sinh ngày 03 tháng 02 năm 19XX tại Hải Phòng; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn N, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1963, con bà Đào Thị N, sinh năm 1966, chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giữ từ ngày 31/10/2018 đến ngày 09/11/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Trần Thị H2, sinh năm 19XX; trú tại: Khu 1 thị trấn T, huyện T, Hải Phòng; vắng mặt.

- Nguyễn Thị Lệ Q, sinh năm 19XX; trú tại: Khu 1 thị trấn T, huyện T, Hải Phòng; vắng mặt.

- Lưu Đức T, sinh năm 19XX; trú tại: Thôn L, xã Q, huyện T, Hải Phòng; vắng mặt.

- Phạm Văn B, sinh năm 19XX; trú tại: Thôn L, xã Q, huyện T, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 30/10/2018, tổ công tác Công an huyện Tiên Lãng bắt quả tang Đoàn Thị T đang có hành vi bán số đề trái phép tại nhà ở thôn Đông Côn, xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng. Thu giữ của T số tiền 14.290.000 đồng là tiền T bán số đề và 01 điện thoại J2Pro dùng để chụp ảnh các bảng ghi số đề và chuyển qua mạng zalo cho Phạm Văn H.

Cùng thời gian trên, Công an huyện Tiên Lãng kiểm tra hành chính, phát hiện Lưu Đức T, sinh năm 19XX và Phạm Văn B, sinh năm 19XX cùng ở thôn L, xã Q, huyện T đang có hành vi bán số đề trái phép. T và B khai bán số đề thuê cho H để hưởng tiền hoa hồng. Cơ quan Công an thu giữ của T 520.000 đồng tiền bán số đề và 01 điện thoại di động Nokia 3 màu đen; thu của B 01 bảng ghi số đề, 1.210.000 đồng tiền bán số đề và 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng. Đến 18 giờ 25 phút cùng ngày, Trần Thị H, sinh năm 19XX và Nguyễn Thị Lệ QD, sinh năm 19XX cùng ở khu 1, thị trấn T, huyện T đến Công an huyện Tiên Lãng trình diện khai báo về việc bán số đề thuê cho H và giao nộp toàn bộ số tiền bán đề ngày 30/10/2018. Số tiền H giao nộp là 4.680.000 đồng, số tiền Q giao nộp là 3.170.000 đồng. Đối với 02 chiếc điện thoại của H và Q dùng để chuyển bảng số đề cho H, H và Q đã đánh rơi mất.

Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Văn H đến Công an huyện Tiên Lãng đầu thú về việc thuê các đối tượng bán số đề thuê ngày 30/10/2018, Hoạt giao nộp 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc Iphone 6, 01 chiếc Iphone 7 plus) dùng để gửi các bảng ghi số đề và tự nguyện nộp số tiền 38.000.000 đồng.

Ngày 31/10/2018, Phạm Việt H1 đến Công an huyện Tiên Lãng đầu thú về việc nhận lại bảng số đề của H và giao nộp chiếc điện thoại di động Iphone 5 dùng để nhận bảng ghi số đề từ H.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn H khai nhận: H đứng ra làm chủ số đề từ khoảng tháng 9 năm 2018 và có thuê: Đoàn Thị T, Trần Thị H, Nguyễn Thị Lệ Q, Lưu Đức T và Phạm Văn B bán số đề cho H. Những người này chuyển bảng ghi số đề cho H bằng điện thoại di động qua mạng Zalo trước khi có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền bắc hàng ngày. Căn cứ vào kết quả mở thưởng, H sẽ tính toán tiền công, tiền được thua ở các bảng số đề và thanh toán cho những người bán số đề thuê vào ngày hôm sau với tỷ lệ trúng thưởng như sau: Đề là 80 lần, bao là 3,4 lần, xiên đôi là 14 lần, xiên ba là 45 lần, xiên bốn là 180 lần và ba càng là 400 lần trên số tiền người chơi số đề đã bỏ ra. H trả tiền công cho những người bán số đề thuê với tỷ lệ như sau: 17% trên tổng số tiền bán đề, 07% trên tổng số tiền bán bao thưởng, 20% tổng số tiền bán bao xiên và ba càng. Sau khi nhận các bảng đề, H lọc riêng các số bao đề người chơi đánh lớn từ các bảng ghi số đề người bán thuê chuyển cho H ra thành bảng riêng để chuyển cho Phạm Việt H1.

Ngày 30/10/2018, H đã nhận được các bảng số đề chuyển qua zalo của T, Tùng, H và Q với tổng số tiền là 22.660.000 đồng. Riêng bảng của Phạm Văn B có tổng số tiền là 1.210.000 đồng chưa kịp chuyển cho H thì bị Công an kiểm tra, nếu không bị phát hiện thì H vẫn nhận bảng đề của ông B. Sau khi nhận được các bảng số đề, H đã lọc và chuyển cho Phạm Việt H1 các số bao đề với tổng số tiền 5.900.000 đồng. Ngày 30/10/2018, H chưa nhận tiền của ai và cũng chưa chuyển tiền cho H1. Những ngày làm chủ đề trước đó, sau khi thanh toán tiền thắng thua xong, H đều hủy hết giấy tờ, tài liệu và không có sổ sách theo dõi nên H không nhớ đã nhận bao nhiêu bảng ghi số đề, số tiền đã thu lợi bất chính được bao nhiêu. Ngày 30/10/2018 ngay sau khi biết tin những người bán số đề thuê cho mình bị bắt, biết mình đã bị phát hiện nên H đã đến cơ quan công an đầu thú.

Phạm Việt H1 khai nhận: H1 nhận bảng số đề của H chuyển lại từ khoảng giữa tháng 10/2018, H1 trả tiền công cho H với tỷ lệ như sau: 18% tổng số tiền đề, 08% tổng số tiền bao thưởng, 22% tổng số tiền bao xiên và ba càng. Ngày 30/10/2018 H1 đã nhận các số bao đề do H chuyển qua mạng zalo với tổng số tiền là 5.900.000 đồng nhưng chưa nhận tiền. Những ngày nhận bảng trước đó, sau khi thanh toán tiền thắng thua và tiền công với H, H1 đều hủy hết giấy tờ, tài liệu và không có sổ sách theo dõi nên không nhớ đã nhận bao nhiêu bảng ghi số đề, số tiền đã thu lợi bất chính được bao nhiêu.

Đoàn Thị T khai nhận: T bắt đầu bán số đề thuê cho H từ giữa tháng 10/2018 để hưởng tiền công. Hai bên thỏa thuận về tiền công, tỷ lệ trúng thưởng, cách thức

chuyển bảng và thanh toán tiền đúng như Hoạt đã khai. Ngày 30/10/2018, T đã bán số đề được tổng số tiền là 14.290.000 đồng. T đã lập bảng và dùng điện thoại chuyển qua Zalo cho H nhưng chưa chuyển tiền. Những người mua số đề đều là những người đi đường T không quen biết, T không còn lưu giữ những giấy tờ đã ghi đề, tài liệu chuyển bảng trước đó nên không nhớ được số tiền đã ghi và số tiền hưởng lợi trước là bao nhiêu. Việc T bán số đề thuê cho H do một mình T thực hiện, không có ai khác tham gia cùng.

Trần Thị H, Nguyễn Thị Lệ Q, Lưu Đức T và Phạm Văn B khai: Những người này bán số đề thuê cho Phạm Văn H từ giữa tháng 9/2018 để hưởng tiền hoa hồng. Hai bên thỏa thuận về tiền công, tỷ lệ trúng thưởng, cách thức chuyển bảng và thanh toán tiền đúng như H đã khai. Ngày 30/10/2018, Trần Thị H đã bán số đề được tổng số tiền là 4.680.000 đồng, Nguyễn Thị Lệ Q đã bán được 3.170.000 đồng, Lưu Đức T đã bán được 520.000 đồng và đều đã lập bảng và dùng điện thoại chuyển qua Zalo cho H nhưng chưa chuyển tiền. Riêng Phạm Văn B bán được 1.210.000 đồng đã lập bảng nhưng chưa kịp chuyển cho H thì bị phát hiện. Những người mua số đề của H, Q, T và B đều là những người đi đường không quen biết. Sau khi thanh toán tiền với H thì H, Q, T và B đều hủy hết các giấy tờ đã ghi đề, tài liệu chuyển bảng cho H trước đó nên không nhớ được số tiền số đề đã bán, số tiền thắng thua cũng như số tiền công được hưởng.

Bản kết luận giám định số 95/KLGD ngày 10/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kèm theo các phụ lục nội dung cuộc hội thoại bằng ứng dụng zalo xác định về các bảng ghi số đề H nhận của những người bán đề thuê và bảng ghi số đề của H chuyển cho H1 trong ngày 30/10/2018.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 17/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội Tổ chức đánh bạc, theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Đoàn Thị T và Phạm Việt H1 về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H đã khai nhận hành vi tổ chức đánh bạc với số tiền bị cáo H dùng đánh bạc ngày 30/10/2018 là 23.870.000 đồng, H đã lọc các số bao đề có số tiền đánh lớn rồi chuyển bảng cho Phạm Việt H1 với số tiền là 5.900.000 đồng như đã khai tại cơ quan điều tra và nội dung cáo trạng nêu. Các bị cáo Đoàn Thị T và Phạm Việt H1 đã khai nhận hành vi đánh bạc ngày 30/10/2018 như đã khai tại cơ quan điều tra và nội dung cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn H mức án từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, 24 đến 36 tháng thử thách về tội Tổ chức đánh bạc; phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Thị T mức án từ 09 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, 18 đến 30 tháng thử thách về tội Đánh bạc.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Việt H1 mức án từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ được chuyển đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H1.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Đoàn Thị T và Phạm Việt H1 do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và có đơn xin miễn hình phạt bổ sung, có xác nhận của chính quyền địa phương.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự ; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 23.870.000 đồng và 06 chiếc điện thoại di động (01 Iphone 5 thu giữ của bị cáo H1, 01 Iphone 5 thu giữ của Phạm Văn B, 01 J2 pro thu giữ của bị cáo T, 01 Nokia 3 thu giữ của Lưu Đức T, 01 Iphone 6 và 01 Iphone 7 plus thu giữ của bị cáo H). Trả lại bị cáo Phạm Văn H số tiền 38.000.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lãng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 30/10/2018 bị cáo Phạm Văn H đã có hành vi thuê bị cáo Đoàn Thị T và 04 người bán số đề thuê cho mình với tổng số tiền bị cáo H dùng đánh bạc trong cùng một lần là 23.870.000 đồng; bị cáo Đoàn Thị T có tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần là 14.290.000 đồng; bị cáo Phạm Việt H1 có tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần là 5.900.000 đồng, nên đã đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Văn H đã phạm tội Tổ chức đánh bạc, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đoàn Thị T và Phạm Việt H phạm tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội.

Các bị cáo phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp, trong đó bị cáo H là người giữ vai trò chính, H là người đứng ra tổ chức và thuê bị cáo T và những người khác bán số đề cho mình, bị cáo T là người tham gia tích cực và là người trực tiếp bán số đề, bị cáo H1 là người nhận lại các số đề do bị cáo H lọc ra. Như vậy, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như số tiền dùng để đánh bạc thì bị cáo H cao nhất sau đó đến bị cáo T và bị cáo H1. Do vậy cần xử các bị cáo mức án nghiêm, trong đó xử lý bị cáo H mức án cao hơn các bị cáo còn lại, xử lý bị cáo T mức án cao hơn bị cáo H1 để cải tạo giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: Nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, trong đó bị cáo T và bị cáo H1 phạm tội ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo H và bị cáo H1 đã ra đầu thú. Quá trình điều tra và tại phiên tòa cả 03 bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đều có người thân là người có công với cách mạng, ngoài ra bị cáo H đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Do vậy xem xét cho cả 03 các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T và bị cáo H1.

Mặc dù hành vi phạm tội của các bị cáo còn có thể là nguy cơ để làm phát sinh các tội phạm khác. Tuy nhiên hiện nay tệ nạn lô đề, cờ bạc là khá phổ biến trong xã hội, nhất là ở các vùng nông thôn khi nhận thức của người dân về tệ nạn này còn đơn giản. Mặt khác các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới được một thời gian ngắn đã bị phát hiện, những người tham gia đánh bạc đều là người làm nông trên cùng địa bàn nơi các bị cáo cư trú nên gây ảnh hưởng không lớn đến trật tự, an ninh xã hội. Xét, các bị cáo đều đã nhận thức được sai phạm và có khả năng tự cải tạo, có nghề nghiệp, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với từng bị cáo. Do vậy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H và T, áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H1, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là phù hợp với chính sách hình sự quy định tại Điều 3 Bộ luật Hình sự của Nhà nước ta. Do bị cáo H1 đã bị tạm giữ 09 ngày (Tạm giữ từ ngày 31/10/2018 đến ngày 09/11/2018) chuyển đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, nên khi quyết định hình phạt sẽ trừ cho bị cáo Hoàng số ngày này.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội có tính chất vụ lợi, trong đó về quy mô và mức độ phạm tội của bị cáo H là cao hơn các bị cáo còn lại. Do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H, các bị cáo còn lại đều là người không có thu nhập, tài sản và là lao động chính trong gia đình. Mặt khác các

bị cáo đều có đơn xin miễn hình phạt bổ sung, có xác nhận của chính quyền địa phương, do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T, H1 và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H1.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 61.870.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ, trong đó có 23.870.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền này. Số tiền còn lại là 38.000.000 đồng do bị cáo H tự nguyện giao nộp. Xét đây là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nên không tịch thu, trả lại cho bị cáo H.

Đối với 06 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại Iphone 5 thu giữ của bị cáo H1, 01 điện thoại Iphone 5 thu giữ của ông Phạm Văn B, 01 điện thoại J2 pro thu giữ của bị cáo T, 01 điện thoại Nokia 3 thu giữ của Lưu Đức T, 01 điện thoại Iphone 6 và 01 điện thoại Iphone 7 plus thu giữ của bị cáo H). Xét đây đều là công cụ, phương tiện các bị cáo và những người bán số đề thuê dùng để phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với 02 chiếc điện thoại di động của Trần Thị H và Nguyễn Thị Lệ Q dùng để chuyển bảng số đề cho bị cáo H. H và Q khai đã đánh rơi mất, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Lãng không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với Trần Thị H, Nguyễn Thị Lệ Q, Lưu Đức T và Phạm Văn B có hành vi bán số đề thuê cho H. Những người này nhân thân đều chưa có tiền án, tiền sự, số tiền dùng đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện Tiên Lãng đã ra quyết định xử lý hành chính đối với những người này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với những người mua số đề của bị cáo T và những người bán số đề thuê khác, bị cáo T và những người này đều khai là những người đi đường không quen biết, Cơ quan cảnh sát điều tra không làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, 30 (Ba mươi) tháng thử thách về tội Tổ chức đánh bạc. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, 18 (Mười tám) tháng thử thách về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Việt H1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Trừ cho bị cáo 27 (Hai mươi bảy) ngày, thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Việt H1.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho UBND xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đoàn Thị T cho UBND xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Giao bị cáo Phạm Việt H1 cho UBND xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 23.870.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) và 06 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại Iphone 5 thu giữ của bị cáo H1, 01 điện thoại Iphone 5 thu giữ của Phạm Văn B, 01 điện thoại J2 pro thu giữ của bị cáo T, 01 điện thoại Nokia 3 thu giữ của Lưu Đức T, 01 điện thoại Iphone 6 và 01 điện thoại Iphone 7 plus thu giữ của bị cáo H).

Trả lại bị cáo Phạm Văn H số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

Toàn bộ số tiền nói trên đã được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng theo giấy chuyển tiền ngày 17/01/2019.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2019 giữa Công an huyện Tiên Lãng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Văn H, Đoàn Thị T và Phạm Việt H1 mỗi bị cáo đều phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Công an huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Quang Phục, xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chính